

Bản án số: 236/2018/DS-PT

Ngày: 03-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLPT- DS ngày 06/6/2018 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221A/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Kim C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C là: Luật sư Lý Văn S, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn N thuộc Đoàn Luật sư Thành Phố M.

Địa chỉ: Số 12, đường N, Phường 5, Quận 10, Thành Phố M.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1968;

2. Võ Thị N, sinh năm 1972;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N là: Ông Nguyễn Văn L (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2018);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà N là: Luật sư Thái Quang T, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số nhà 278, đường Nguyễn T K, Phường 1, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Võ Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã Tân A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đặng Kim C trình bày:

Vào ngày 13-9-2016 âm lịch nhằm ngày 13-10-2016 dương lịch bà có cho ông Nguyễn Văn L vay số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng. Hợp đồng vay có làm biên nhận, từ khi vay đến nay ông L không trả gốc lãi cho bà. Nên bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Võ Thị N cùng liên đới trả cho bà số tiền vay là 600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày vay 13-10-2016 (dl) đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 06 tháng 14 ngày với lãi suất là 1,125%/tháng, thành tiền là 138.500.000 đồng.

Còn đối với ý kiến của ông L cho rằng số tiền vay này ông đã trả rồi và cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 12-11-2016 với số tiền là 820.000.000 đồng bà không thống nhất. Vì trước đây bà có cho ông L vay tiền nhiều lần, vay xong rồi trả. Sau đó, ông L vay lại của bà số tiền 820.000.000 đồng vào ngày 06-3-2016 nên đến ngày 12-5-2016 (dl) ông L có nhờ cậu ruột là ông Võ Văn H đem trả thay cho ông nên bà nhận tiền và viết biên nhận cho ông H vào ngày 12-5-2016. Vài ngày sau thì ông L đến gặp bà để tính lãi của số tiền vay

này và trả đủ cho bà nhưng bà không nhớ số tiền lãi là bao nhiêu và bà đã trả lại biên nhận vay số tiền 820.000.000 đồng này cho ông L. Vì vậy, biên nhận ngày 12-11-2016 (dl) mà ông L cung cấp với số tiền 820.000.000 đồng là không đúng mà biên nhận này là biên nhận ngày 12-5-2016 (dl) chứ không phải là ngày 12-11-2016 như ông H và ông L trình bày. Vì hiện nay con số 5 đã bị chỉnh sửa lại thành con số 11 bà không đồng ý.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào các năm trước ông không nhớ rõ là năm nào, ông có vay tiền của bà C nhiều lần, vay xong rồi trả, sau đó vay lại. Trong quá trình trả nợ thì ông trả đủ gốc còn tiền lãi thì trả một phần nợ lại một phần, nhưng ông không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Đến ngày 13-9-2016 (âl) nhằm ngày 13-10-2016 (dl) ông vay của bà C số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Mục đích vay tiền về cho bạn bè vay lại và sử dụng mua thiết bị máy nông nghiệp phục vụ kinh tế gia đình. Sau đó, bà C điện yêu cầu ông trả tiền vay với số tiền 820.000.000 đồng (Trong đó gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi cũ còn thiếu lại là 172.000.000 đồng cộng với tiền lãi mới của số tiền 600.000.000 đồng là 48.000.000 đồng). Đến ngày 12-11-2016 (dl) ông có đưa cho cậu ruột của ông là ông Võ Văn H số tiền 820.000.000 đồng để trả cho bà C và ông H viết biên nhận cho ông, cùng ngày ông H đem tiền trả cho bà C và bà C viết biên nhận cho ông H số tiền 820.000.000 đồng. Do ông bận công việc nên chưa gặp bà C để lấy lại biên nhận vì ông nghĩ ông giữ biên nhận của ông H và để ông H giữ biên nhận của bà C cũng không có gì. Khi bà C khởi kiện ông thì ông mới gặp ông H hỏi ông H có trả cho bà C chưa thì ông H nói trả rồi và đưa cho ông biên nhận do bà C viết. Biên nhận ông cung cấp cho Tòa án là ngày 12-11-2016 (dl) chứ không phải là ngày 12-5-2016 như bà C trình bày. Số tiền vay vào ngày 13-9-2016 (âl) mà bà C khởi kiện ông đã trả xong rồi nên ông không còn nợ bà C bất cứ số tiền nào nữa.

Đối với số tiền lãi ông đã trả cho bà C với tổng số tiền là 220.000.000 đồng trong đó tiền lãi cũ còn nợ lại là 172.000.000 đồng cộng với tiền lãi mới của số tiền 600.000.000 đồng là 48.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại đối với số tiền lãi 48.000.000 đồng, nếu ông trả dư thì bà C phải hoàn trả lại cho ông. Còn đối với số tiền lãi 172.000.000 đồng trả lãi cho tiền

nợ cũ thì ông không yêu cầu điều chỉnh vì ông không nhớ trả lãi của khoản vay nào.

Đối với ông H, ông không yêu cầu ông H trả lại ông số tiền 820.000.000 đồng, nếu như ông thua kiện thì ông sẽ yêu cầu ông H trả lại cho ông số tiền này trong một vụ án khác.

+ Bà Võ Thị N trình bày:

Số tiền mà bà C khởi kiện ông L bà không biết, nếu Tòa án xét xử buộc ông L trả nợ thì bà thống nhất liên đới trả nợ cùng với ông L. Vì số nợ ông L đem về một phần sử dụng trong gia đình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H trình bày:

Vào ngày 12-11-2016 (dl) ông có nhận của ông Nguyễn Văn L số tiền 820.000.000 đồng để trả nợ cho bà C giúp cho ông L. Lúc nhận tiền của ông L ông có viết biên nhận cho ông L. Cũng trong ngày này ông đem tiền đưa cho bà C và bà C có viết biên nhận cho ông. Trong lúc viết biên nhận ông chỉ nhìn vào biên nhận xem có đúng với số tiền 820.000.000 đồng mà ông đưa cho bà C hay không, chứ ông không có nhìn vào hàng chữ ngày tháng năm nên ông không biết bà C có ghi nhầm tháng trong biên nhận rồi chỉnh sửa lại hay không. Ông khẳng định ngày ông đem trả tiền cho bà C là cùng ngày với ngày ông nhận tiền của ông L vào ngày 12-11-2016 (dl). Đối với yêu của bà C ông không có liên quan vì ông chỉ là người trả tiền thay cho ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Kim C:

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Kim C số tiền vay 722.175.000 đồng (Bảy trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), (trong đó gốc là 600.000.000 đồng và lãi 122.175.000 đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Kim C số tiền chi phí giám định là 3.825.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/5/2018 ông Nguyễn Văn L làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký, Luật sư và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Văn L cho rằng ông đã trả cho bà Đặng Kim C số tiền 600.000.000 đồng mà ông đã vay của bà C ngày 13-9-2016 (al) nhằm ngày 13-10-2016 (dl) vào ngày 12-11-2016. Trong đó, gồm tiền gốc 600.000.000 đồng, 48.000.000 đồng lãi của 600.000.000 đồng và 172.000.000 đồng là lãi của các khoản vay trước còn nợ lại, tổng cộng là 820.000.000 đồng. Việc trả nợ nêu

trên là do ông nhờ cậu ruột của ông là ông Võ Văn H trả dùm và bà C có viết biên nhận cho ông H ngày 12-11-2016 nên ông không còn nợ bà C nữa. Tuy nhiên, bà C không thừa nhận việc ông L trả cho bà 820.000.000 đồng là trả cho số tiền vay 600.000.000 đồng vay vào ngày 13-9-2016 (al) mà là trả cho số tiền vay 820.000.000 đồng vào ngày 06-3-2016 (dl). Ông H giao tiền cho bà ngày 12-5-2016 (dl) nên bà có viết biên nhận cho ông H vào ngày 12-5-2016 (dl) chứ không phải là ngày 12-11-2016 (dl) chữ số “5” trong biên nhận đã bị người khác chỉnh sửa lại thành số “11”. Vì vậy, bà yêu cầu vợ chồng ông L và bà N trả cho bà 600.000.000đ và lãi 138.500.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 742/KL-KTHS ngày 20-11-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Tháp thì:

“a) Không đủ cơ sở để kết luận chữ số “11” tại dòng 6 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ số của Đặng Kim C trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người viết ra hay không.

b) Có dấu vết tẩy và sửa chữa tại chữ số “11” ở dòng 6 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Không xác định được nội dung trước khi bị tẩy xóa, sửa chữa.”

Kết luận giám định số 226/C54B ngày 07-02-2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

“1. Tại vị trí số 11 thuộc dãy số ghi ngày tháng năm, dòng chữ viết thứ 6 tính từ trên xuống trên “Biên nhận” ngày 12-11-2016 dl (ký hiệu A) đã bị tẩy xóa và sửa chữa. Không xác định được số nguyên thủy có phải là số “5” hay không.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ số “11” thuộc dãy số ghi ngày tháng năm, dòng chữ viết thứ 6 tính từ trên xuống trên “Biên nhận” ngày 12-11-2016 dl (ký hiệu A) so với chữ số của bà Đặng Kim C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là có phải do cùng một người viết ra hay không”.

Từ đó, cho thấy không đủ cơ sở để xác định số 11 trong biên nhận ngày 12-11-2016 là do bà C viết. Mặt khác, do tại vị trí số 11 bị tẩy xóa, sửa chữa nên cũng không đủ căn cứ để chứng minh là ông L đã trả 820.000.000 đồng cho bà C vào ngày 12-11-2016.

Xét lời khai của ông H cho rằng vào ngày 12-11-2016 ông có trả cho bà C 820.000.000 đồng dùm cho ông L và bà C có viết biên nhận cho ông, nhưng ông H cũng không biết chữ số 11 trong biên nhận ngày 12-11-2016 có bị bà C chỉnh sửa hay không. Ngoài ra, do ông H là cậu ruột của ông L nên lời khai của ông H không đảm bảo khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm là chưa phù hợp như đã phân tích ở trên.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà C. Buộc ông L và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C 722.175.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo của ông L nên ông L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 161, Điều 147, Điều 148 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 27-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Kim C.

- Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Kim C số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và lãi 122.175.000 đồng, tổng cộng là 722.175.000 đồng (Bảy trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị N liên đới chịu 32.887.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001832 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

+ Bà Đặng Kim C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 816.000 đồng và trừ vào 15.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03521 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Bà Kim C được nhận lại số tiền chênh lệch là 14.534.000 đồng.

- Về chi phí giám định:

Ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị N liên đới chịu 3.825.000 đồng. Do bà Kim C đã tạm ứng trước nên ông L và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C 3.825.000 đồng.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt

